

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày 27 – 01 – 2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Hồng Thùy

Bà Lê Thanh Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương Bình D, sinh năm: 1991

Địa chỉ: Số XYZ ấp Z, xã TH, huyện GT, tỉnh BT.

- *Bị đơn:* Bà Lê Mỹ Y, sinh năm: 1987

Địa chỉ: YXM, Nhật Bản

(Ông D, bà Y có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 12 năm 2020, bản tự khai ngày 28/12/2020 và đơn xin giải quyết vắng mặt, nguyên đơn ông Trương Bình D trình bày:

Ông và bà Lê Mỹ Y tự tìm hiểu quen biết và tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Sở hành chính thành phố YXM, Nhật Bản, số 4130, cấp ngày 18/8/2018. Sau khi kết hôn thì ông và bà Lê Mỹ Y sống tại tỉnh YXM – Nhật Bản. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến

tháng 8 năm 2019 khi ông trở về Việt Nam thì hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù hai vợ chồng đã hòa giải với nhau nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn được. Mâu thuẫn xuất phát từ việc bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hiện nay, bà Lê Mỹ Y vẫn sống ở tỉnh Kanagawa – Nhật Bản, còn ông sống ở Việt Nam và chưa có ý định trở qua Nhật Bản. Nay ông thấy tình trạng hôn nhân giữa ông với Lê Mỹ Y đã ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Ông yêu cầu được ly hôn với bà Lê Mỹ Y, không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên ông xin giải quyết vắng mặt trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa cấp phúc thẩm (nếu có).

Theo bản nêu ý kiến và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 11/12/2020, bị đơn bà Lê Mỹ Y trình bày:

Bà thông nhất với lời trình bày của ông Trương Bình D về hoàn cảnh tiền hôn nhân và việc đăng ký kết hôn. Trong quá trình bà và ông D chung sống thì thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng đến tháng 8 năm 2019 bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cãi vã. Mặc dù đã hòa giải nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà và ông D đã ly thân từ tháng 9 năm 2019 đến nay. Nay ông Trương Bình D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà thì bà đồng ý. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại, bà đang sống tại Nhật Bản, do đi làm ăn xa nên bà xin Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết vắng mặt bà trong các buổi tham gia việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, làm việc, đối chất và xét xử tại Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa ông Trương Bình D và bà Lê Mỹ Y là ly hôn, nguyên đơn ông Trương Bình D đang ở Việt Nam, bị đơn bà Lê Mỹ Y hiện đang ở nước ngoài (Nhật Bản) nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Bình D và bà Lê Mỹ Y tự tìm hiểu quen biết và tự nguyện tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Sở hành chính thành phố YXM, Nhật Bản, số 4130, cấp ngày 18/8/2018 nên hôn nhân giữa ông Trương Bình D và bà Lê Mỹ Y là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Ông D và bà Y cùng có trình bày sau khi kết hôn thì ông và bà sống tại tỉnh YXM – Nhật Bản. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 8 năm 2019 khi ông D trở về Việt Nam thì hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù hai vợ chồng đã hòa giải với nhau nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn được. Mâu thuẫn xuất phát từ việc bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông bà đã ly thân từ tháng 9 năm 2019 đến nay. Hiện nay, bà Lê Mỹ Y vẫn sống ở tỉnh Kanagawa – Nhật Bản, còn ông D sống ở Việt Nam và chưa có ý định trở qua Nhật Bản. Ông D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Y. Khi biết ông D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, bà Y cũng trình bày ý kiến là đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại ông D sống ở Việt Nam còn bà Y thì sống ở Nhật Bản, cách xa nhau về khoảng cách địa lý, hai bên không còn thực hiện nghĩa vụ vợ chồng là quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án cả ông D và bà Y đều xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án cũng không thể hòa giải đoàn tụ.

Từ những phân tích trên thấy rằng việc ông D yêu cầu ly hôn với bà Y là có cơ sở và bà Y cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông Trương Bình D và bà Lê Mỹ Y đều trình bày ông bà không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xem xét.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Ông Trương Bình D và bà Lê Mỹ Y thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Ông Trương Bình D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40, Điều 147, Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của ông Trương Bình D.

Về hôn nhân: Ông Trương Bình D được ly hôn với bà Lê Mỹ Y.

Về con chung: Ông Trương Bình D và bà Lê Mỹ Y đều trình bày ông bà không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xem xét.

Về tài sản chung và về nợ chung: Ông Trương Bình D và bà Lê Mỹ Y thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trương Bình D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006970 ngày 21 tháng 02 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Ông Trương Bình D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật; bà Lê Mỹ Y được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được ủy thác hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng